

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 – 9 - 2023

“V/v ly hôn giữa chị H - anh Th”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diệu, ông Đào Duy Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Công Huân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐHPT-ST ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn Tr, xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Phạm Như Th, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn H1, xã L, huyện Qu, tỉnh Thái Bình.

(tại phiên tòa có mặt chị H, anh Th vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện được bổ sung bằng biên bản ghi lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Như Th tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Qu vào ngày 19/3/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã L và đi lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Từ cuối năm 2023 mâu thuẫn càng tăng, chị H đã trở về gia đình bố mẹ đẻ tại xã A sinh sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị xin được ly hôn

anh Th.

Về con chung: Chị H khai chị và anh Th không có con chung, chị không có thai con chung.

Về tài sản chung: Chị H khai vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không có nợ chung và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Phạm Như Th: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh Th biết và đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh Th vẫn vắng mặt, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh Th và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh Th vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu và chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự luật định. Tại phiên tòa việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải là chấp hành chưa tốt các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H được ly hôn anh Th; Chị H và anh Th không có con chung, chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung; Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H1, xã L, huyện Qu, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Như Th được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Qu vào ngày 19/3/2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H và anh Th cùng sinh sống tại gia đình anh Th, sau đó đi lao động tự do. Trong quá trình chung sống do vợ chồng tính tình không hợp, bắt

đồng quan điểm sống đã dẫn đến phát sinh mâu thuẫn, thời điểm cuối năm 2022 mâu thuẫn căng thẳng, chị H đã trở về nhà bố mẹ đẻ tại xã A, huyện Qu, tỉnh Thái Bình sinh sống và sống ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H làm đơn khởi kiện đề nghị xin được ly hôn. Còn đối với anh Th quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ để anh Th biết và đến Tòa án tham gia hòa giải, vợ chồng có cơ hội gặp gỡ trở về đoàn tụ, nhưng anh Th vắng mặt. Qua xác minh lời khai anh Phạm Văn Th1, sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn H1, xã L là anh trai anh Th và ông Đinh Chí L1 là công chức tư pháp xã L đều xác nhận hiện anh Th đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại gia đình ở Hưng Hòa, xã L. Anh Th đã biết việc chị H làm đơn xin ly hôn, anh Th đã nhận các giấy tờ của Tòa án tổng đạt và có ý kiến đề nghị xử án vắng mặt. Quan điểm của anh Th1 và ông L1 đều đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân để giải quyết cho chị H được ly hôn anh Th vì hai bên đã mâu thuẫn và sống ly thân thời gian dài. Đối với chị H tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh Th. Điều đó chứng tỏ cuộc sống tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần căn cứ vào Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H được ly hôn anh Th là có căn cứ.

[4] Về con chung: Chị H và anh Th không có con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Như Th.

2/Về con chung: Chị H và anh Th không có con chung

3/Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005870 ngày 19/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5/Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày

tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày
tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã L;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC